

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2026
V/v tranh chấp về HN & GD- ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KH VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phú Hữu

Ông Huỳnh Văn Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 60/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Bích T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp Thanh Tiến, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Anh Lương Ngọc Th, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 148, khóm Mỹ Thiện, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là khóm Th, phường C, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử chị Dương Thị Bích T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th quen biết và yêu thương nhau vào năm 2004, làm lễ cưới năm 2006. Đăng ký kết hôn ngày 30/9/2006 tại UBND Phường C, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống ở bên nhau rất hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2009 trở về sau này thì vợ chồng chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã và xung đột với nhau. Lý do: vợ chồng không hợp nhau về tính tình, thường xuyên cãi vã nhiều lần, vì vậy nên dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Anh Th thường xuyên uống rượu bia quá mức, say xỉn và có hành vi quậy phá, gây mất trật tự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt gia đình. Chị và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng tình trạng không thay đổi, hành vi của anh Th khiến chị và các con luôn sống trong lo sợ, mệt mỏi, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân hạnh phúc.

Chị T và anh Th đã ly thân từ năm 2009 đến nay, trong thời gian ly thân không hàn gắn được tình cảm.

Nay, chị T yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Ngọc Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lương Văn Bé Th, sinh ngày 09/01/2004; Lương Ngọc H, sinh ngày 17/12/2007; hiện con chung đã trưởng thành, có cuộc sống độc lập riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử, bị đơn anh Lương Ngọc Th vắng mặt và không nộp văn bản ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Dương Thị Bích T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lương Ngọc Th có địa chỉ tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn anh Lương Ngọc Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản ý kiến về việc chị Dương Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Lương Ngọc Th nên Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lương Ngọc Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân của chị T và anh Th được xác lập năm 2006, hôn nhân của anh chị là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) vào năm 2006 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình. Theo chị T trình bày thì chị và anh Th đã ly thân từ năm 2009 đến nay và trong thời gian ly thân anh chị không hàn gắn được tình cảm. Nay, chị T cương quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Bích T đối với anh Lương Ngọc Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Chị T và anh Th có 02 con chung tên Lương Văn Bé Th, sinh ngày 09/01/2004; Lương Ngọc H, sinh ngày 17/12/2007; hiện con chung đã trưởng thành, có cuộc sống độc lập riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Dương Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Bích T. Chị Dương Thị Bích T được ly hôn với anh Lương Ngọc Th.

- *Về con chung*: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chị Dương Thị Bích T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị Dương Thị Bích T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Dương Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000933 ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 6 – Đồng Tháp;
- UBND Phường Cao Lãnh;
- (Giấy K/H số 70/2006,
- quyển số 01 ngày 30/9/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ